

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20/01/2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Vụ

Ông Long Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Triệu Bảo Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực I - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực I - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 72/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H- sinh năm 1989;

Nơi thường trú: Xóm B, xã H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Bế Ích D- sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Xóm B, xã H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Bế Ích D kết hôn ngày 20/10/2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là UBND xã H), tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng lục đục về kinh tế, ghen tuông và bất đồng

quan điểm sống, xảy ra cãi vã, xung đột. Quá trình mâu thuẫn, bố mẹ và bản thân hai bên tự hòa giải nhưng không thành. Hiện nay, bà và ông D đã ly thân từ tháng 8 năm 2025, bà H đi làm công nhân tại Bắc Ninh, hai vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được và yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Bé Thị Th (giới tính: Nữ) - sinh ngày 01/9/2010 và Bé Lê Đ (giới tính: Nữ) - sinh ngày 22/3/2015. Hiện nay hai con chung đang sống cùng bố. Sau khi ly hôn, bà H đề nghị được nuôi cháu Bé Lê Đ, ông D nuôi cháu Bé Thị Th, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp ông D có nguyện vọng nuôi cả hai con và các con đều có nguyện vọng ở cùng bố thì bà H nhất trí, tôn trọng quyết định của các con, bà H đề nghị cấp dưỡng cho mỗi con 01 triệu đồng/tháng đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân Khu vực 1-Cao Bằng ngày 25/12/2025 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Bé Ích D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị H kết hôn năm 2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là UBND xã H), tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, ông nhất trí ly hôn.

Về con chung, ông D xác nhận: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Bé Thị Th (Giới tính: Nữ) - sinh ngày 01/9/2010 và Bé Lê Đ (giới tính: Nữ) - sinh ngày 22/3/2015. Hiện nay hai cháu đang sống cùng bố. Bản thân ông D có thu nhập khoảng 8.000.000đ đến 9.000.000đ/tháng, đủ điều kiện để chăm lo cho các con. Sau khi ly hôn, ông đề nghị được nuôi cả hai con Bé Thị Th và Bé Lê Đ, yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi hai con chung với số tiền 2.000.000 đồng/01 con/01 tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung, không có nợ chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Cao Bằng ngày 15/12/2025, cháu Bé Thị Th và cháu Bé Lê Đ trình bày: Các cháu là con chung của bố Bé Ích D và mẹ là Lê Thị H. Hiện nay cả hai cháu đang sống cùng bố tại Xóm B, xã H, tỉnh Cao Bằng, mẹ các cháu đi làm ở Bắc Ninh thỉnh thoảng mới về. Trong trường hợp bố mẹ ly hôn, cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống cùng bố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán,

Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho bà Lê Thị H được ly hôn ông Bé Ích D.

Về con chung: Giao cháu Bé Thị Th (sinh ngày 01/9/2010) và Bé Lê Đ (sinh ngày 22/3/2015) cho ông Bé Ích D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Bé Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng, số tiền cấp dưỡng mỗi con là 2.000.000đ(hai triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng.

Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, bị đơn ông Bé Ích D cư trú tại Xóm B, xã H, tỉnh Cao Bằng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2025*) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Cao Bằng.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H, ông D.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị H và ông Bé Ích D kết hôn ngày 20/10/2009, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (*nay là UBND xã H*), tỉnh Cao Bằng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về quá trình chung sống: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng lục đục về kinh tế, ghen tuông và bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn xảy ra thường xuyên liên tục, có cãi vã, xung đột, hai vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình mâu thuẫn bố mẹ, chính quyền địa phương và bản thân hai bên tự hòa giải nhưng không thành. Hai vợ chồng bà H, ông D đã ly thân từ tháng 8 năm 2025, bà H hiện đang làm việc tại Bắc Ninh. Từ thời điểm ly thân, hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không có giải pháp khắc phục mâu thuẫn. Nay bà H xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn ông D. Đối với yêu cầu được ly hôn của bà H, ông D nhất trí.

Xét thấy quan hệ hôn nhân không chỉ là quan hệ mang tính pháp lý mà còn là quan hệ tình cảm giữa hai người với nhau. Qua nghiên cứu hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng bà H, ông D đã ly thân được 05 tháng, trong thời gian đó bà H đi làm việc tại Bắc Ninh, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D chỉ tồn tại trên danh nghĩa, mục đích của hôn nhân không đạt được; không còn khả năng hòa giải và hàn gắn, khắc phục. Ông D, bà H đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng. Ông D xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung:

Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Bé Thị Th (*Giới tính: Nữ*) - sinh ngày 01/9/2010 và Bé Lê Đ (*giới tính: Nữ*) - sinh ngày 22/3/2015. Hiện nay các cháu Bé Thị Th và Bé Lê Đ đều đang sống vùng bố tại xóm B, xã H, tỉnh Cao Bằng, học tập ổn định tại trường học ở địa phương. Xét thấy, bà H đang làm công nhân tại Bắc Ninh, không đảm bảo về chỗ ở cũng như điều kiện học tập tốt cho các con. Bản thân ông D làm công việc tự do, thu nhập hàng tháng khoảng 8000.000đ - 9.000.000đ, có nơi ở ổn định. Từ thời điểm hai vợ chồng ly thân đến nay, ông D vẫn đảm bảo cuộc sống cho các con. Mặt khác, theo biên bản lấy lời khai của con chưa thành niên tại Tòa án, các cháu đều có nguyện vọng tiếp tục được sống cùng bố trong trường hợp bố mẹ ly hôn. Do vậy, việc giao các con chung cho ông Bé Ích D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với mức cấp dưỡng nuôi con, hai bên không thống nhất được. Ông D yêu cầu bà H cấp dưỡng cho các con 2 triệu đồng/01 con/01 tháng; bà H đề nghị được cấp dưỡng cho các con là 01 triệu/ 01 con/01 tháng.

Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao (*hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình*) quy định: “Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”.

Các cháu Bé Thị Th và Bé Lê Đ đang sinh sống và học tập tại Xóm B, xã H, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ theo Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, xã H thuộc Vùng IV, mức lương tối thiểu vùng là 3.700.000đ (*ba triệu bảy trăm nghìn đồng*). Như vậy, mức cấp dưỡng con chung của người có nghĩa vụ cấp dưỡng không dưới 1.850.000 đồng/01 con/01 tháng.

Xét thấy, mức cấp dưỡng cho mỗi con chung là 2.000.000đ (*hai triệu đồng*)/tháng cơ bản đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của các cháu trong cuộc sống sinh hoạt, học tập tại địa phương, phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của bà H. Do vậy, yêu cầu về mức cấp dưỡng con chung của ông D là phù hợp với quy định của pháp luật và cần được chấp nhận, không có căn cứ chấp nhận đề nghị mức cấp dưỡng của bà H. Cần buộc bà H phải cấp dưỡng cho các con chung với số tiền 2.000.000đ/01 con/01 tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Bà H và ông D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng để sung công quỹ nhà nước.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2025*); Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân

và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H. Xử cho bà Lê Thị H được ly hôn ông Bế Ích D.

2. Về con chung:

Giao hai cháu Bế Thị Th (*giới tính: nữ; sinh ngày 01/9/2010*) và Bế Lê Đ (*giới tính: nữ; sinh ngày 22/3/2015*), cùng trú tại: Xóm B, xã H, tỉnh Cao Bằng cho ông Bế Ích D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng: Không chấp nhận yêu cầu về mức cấp dưỡng của nguyên đơn. Bà Lê Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi con chung 2.000.000đ (*hai triệu đồng*)/01 tháng, tổng cộng là 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*)/02 con/01 tháng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Phương thức cấp dưỡng: Theo từng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành.

Thăm nom con chung sau khi ly hôn: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Các bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng để sung công quỹ nhà nước. Xác nhận bà Lê Thị H đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000239 ngày 03/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1- Cao Bằng. Bà H còn phải nộp thêm số tiền 3.000.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKS tỉnh Cao Bằng;
- VKS khu vực 1
- Phòng THADS khu vực 1;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Hoài Anh